

cần, Ngân hàng sẽ giúp vốn, và Tổng cục Thủy sản cung cấp vật liệu cần thiết để tu sửa, hoặc sắm lại thuyền lưới nhanh chóng.

8. Tổ chức, cá nhân nào có công trong việc cứu giúp dân đánh cá bị tai nạn sẽ được khen thưởng xứng đáng; tổ chức, cá nhân nào thiếu tinh thần trách nhiệm, không làm đúng những điều quy định trên đây, gây thiệt hại cho đồng bào, thì phải chịu kỷ luật thích đáng.

..

Các cơ quan, các cấp, các ngành có trách nhiệm thi hành những điều quy định trên đây hãy nâng cao ý thức trách nhiệm, góp phần tích cực của mình vào việc bảo vệ dân đánh cá biển, nhằm đẩy mạnh nghề đánh cá biển, cải thiện đời sống nhân dân miền biển và phát triển kinh tế quốc dân.

Hà nội, ngày 7 tháng 12 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 70-CP ngày 9-12-1960 quy định nhiệm vụ, tổ chức ngành Quản lý ruộng đất.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 7 tháng 11 năm 1960,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay chuyển ngành Địa chính từ Bộ Tài chính sang Bộ Nông nghiệp phụ trách và đổi tên là ngành Quản lý ruộng đất.

Điều 2. — Cơ quan Quản lý ruộng đất có nhiệm vụ giúp Bộ Nông nghiệp quản lý việc mở mang, sử dụng và cải tạo ruộng đất trong nông nghiệp.

Cụ thể là:

- Tổ chức công tác đo đạc, lập các loại bản đồ và tài liệu về ruộng đất dùng trong nông nghiệp,
- Thống kê diện tích, phân loại ruộng đất dùng trong nông nghiệp,
- Tiến hành việc quản lý ruộng đất.

Điều 3. — Hệ thống tổ chức cơ quan Quản lý ruộng đất do Bộ Nông nghiệp nghiên cứu đề trình Hội đồng Chính phủ quyết định.

Điều 4. — Các ông Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 9 tháng 12 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 71-CP ngày 9-12-1960 ấn định công tác quản lý ruộng đất.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 7 tháng 11 năm 1960,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Đề hướng dẫn việc sử dụng ruộng đất, việc khai hoang, đề theo dõi việc cải tạo chất đất, phục vụ cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, cần tiến hành quản lý ruộng đất ở những nơi đã làm xong công tác đo đạc và lập địa bạ.

Điều 2. — Nội dung công tác quản lý ruộng đất gồm mấy việc sau đây:

1. Lập bản đồ, địa bạ về ruộng đất, thường xuyên chỉnh lý bản đồ và địa bạ cho phù hợp với các sự thay đổi về hình thể ruộng đất, về quyền sở hữu, sử dụng ruộng đất, về tình hình canh tác và tình hình cải tạo chất đất.

2. Thống kê diện tích, phân loại chất đất.

3. Nghiên cứu, xây dựng các luật lệ, thể lệ về quản lý ruộng đất trong nông nghiệp và hướng dẫn kiểm tra việc thi hành các luật lệ, thể lệ ấy.

Điều 3. — Việc quản lý ruộng đất do cơ quan quản lý ruộng đất các cấp phụ trách.

Điều 4. — Ở những nơi tiến hành quản lý ruộng đất, tất cả các cơ quan Nhà nước và nhân dân, mỗi khi cần thay đổi về hình thể ruộng đất, về quyền sở hữu, về cách sử dụng ruộng đất đều phải làm thủ tục khai báo theo quy định của Bộ Nông nghiệp.

Điều 5. — Ông Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp chịu trách nhiệm quy định chi tiết thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 9 tháng 12 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG.

PHỦ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 304-TTg ngày 5-12-1960 về việc thi hành chế độ dân công đắp đê năm 1961.

Năm 1960 nhờ giáo dục, động viên nhân dân và áp dụng đúng đắn các quy định về chế độ dân công của Chính phủ ban hành, nên công tác đắp đê đã hoàn thành tốt về số lượng cũng như chất lượng.

Tuy nhiên, thông tư số 23-TTg ngày 18-1-1960 về đến các địa phương còn chậm so với yêu cầu mở công trường ở một số nơi, việc quy định giá 1m³

đất từ 0d40 đến 0d50 có chỗ chưa thích hợp, tỷ lệ kinh phí chi cho các khoản gián tiếp còn cao làm cho các địa phương gặp khó khăn lúng túng; việc cải tiến công cụ và hợp lý hóa tổ chức lao động chưa được chú trọng nên năng suất tăng lên còn chậm.

Để bỏ khuyết các điểm trên nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác củng cố đề điều năm 1961, căn cứ vào nghị quyết Thường vụ Hội đồng Chính phủ họp ngày 22 tháng 11 năm 1960, Thủ tướng Chính phủ bổ sung thêm một số điểm về thủ lao dân công trong thông tư số 023-TTg ngày 18-1-1960 như sau:

1. Năm 1961 Nhà nước vẫn trợ cấp 1m³ đất bình quân 0d60 (bao gồm mọi chi phí cho 1m³ đất). Tùy tình hình đảo đắp khó dễ của mỗi loại đê và khó khăn của nhân dân mỗi địa phương mà Bộ Thủy lợi và Điện lực phân phối kinh phí cho thích hợp và hướng dẫn các địa phương định giá mỗi thước khối đất ở từng triển đê cho sát, trên nguyên tắc phải đảm bảo thu nhập cho dân công mỗi ngày từ 0d40 trở lên.

2. Kinh phí Nhà nước trợ cấp cho đắp đê phải dành phần lớn để trả thù lao cho dân công, các khoản chi về gián tiếp phí, tập thể phí, mua dụng cụ, v.v... không được quá 12% tổng số kinh phí (trừ trường hợp đặc biệt chi cao quá 12% phải được Bộ Thủy lợi và Điện lực đồng ý).

3. Trong khi chờ đợi Chính phủ ban hành chính sách mới về công tác dân công, người được huy động làm đê năm 1961 cũng coi là di dân công, được ghi công nghĩa vụ tính trong số 30 ngày công nghĩa vụ hàng năm.

4. Bộ Lao động, Bộ Thủy lợi và Điện lực có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho các địa phương thi hành các quy định nói trên và nghiên cứu các biện pháp cải tiến công cụ, hợp lý hóa tổ chức lao động nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động, tạo điều kiện để các năm sau có thể hạ thấp chi phí cho công tác đê.

Ủy ban hành chính các cấp cần nghiên cứu và thi hành đúng tinh thần của thông tư này đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ đê điều năm 1961.

Hà nội, ngày 5 tháng 12 năm 1960

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THÀNH NGHỊ

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP NHẸ

QUYẾT ĐỊNH số 999-BCNN/QĐ ngày 2-12-1960 thành lập xưởng cơ khí Bộ Công nghiệp nhẹ.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NHẸ

Chiều quyết định ngày 15-7-1960 của Quốc hội khóa thứ II kỳ họp thứ nhất tổ chức Hội đồng Chính phủ và thành lập Bộ Công nghiệp nhẹ:

Chiều công văn số 4309/B ngày 12-11-1960 của Ủy ban thống nhất trung ương chính thức bàn giao xưởng cơ khí Tây đô về Bộ Công nghiệp nhẹ trực tiếp quản lý và sử dụng:

Căn cứ ý kiến đề nghị của các Cục Cung cấp, Thiết kế kiến thiết cơ bản, Vụ Kỹ thuật, Viện Nghiên cứu Bộ Công nghiệp nhẹ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Thành lập xưởng cơ khí Bộ Công nghiệp nhẹ tạm thời lấy cơ sở xưởng cơ khí Tây đô làm nòng cốt.

Điều 2. — Xưởng cơ khí Bộ Công nghiệp nhẹ có nhiệm vụ:

— Giúp đỡ giải quyết các vấn đề sửa chữa cơ điện mà xưởng cơ khí sửa chữa của các xí nghiệp thuộc Bộ quản lý hoặc xưởng cơ khí của Sở, Tỉnh Công nghiệp địa phương không giải quyết được.

— Sản xuất một số dụng cụ, đồ nghề phụ tùng đơn giản, phụ kiện lắp ráp thiết bị ở các công trường kiến thiết cơ bản nhà máy mới hoặc nhà máy mở rộng mà công trường không giải quyết được.

— Sản xuất bộ phận máy hoặc máy đơn giản thuộc cải tiến kỹ thuật còn trong vòng nghiên cứu của các xí nghiệp thuộc Bộ quản lý, các xưởng, các cơ sở của hợp tác xã và công tư hợp doanh thuộc công nghiệp địa phương trong phạm vi chỉ đạo của ngành công nghiệp nhẹ.

— Sản xuất bộ phận máy, máy móc và dây chuyền thiết bị nhằm nghiên cứu cải tiến hoặc nghiên cứu thí nghiệm mới về sản xuất công nghiệp nhẹ do các Vụ Kỹ thuật, Viện Nghiên cứu công nghiệp nhẹ và Cục Thiết kế kiến thiết cơ bản phụ trách.

Điều 3. — Xưởng cơ khí Bộ Công nghiệp nhẹ sẽ tổ chức thành xí nghiệp quốc doanh và chấp hành đúng các chế độ và thể lệ của Chính phủ về quản lý xí nghiệp quốc doanh.

Điều 4. — Xưởng cơ khí Bộ Công nghiệp nhẹ sẽ làm việc theo quy chế kỹ thuật chế tạo và tu sửa cơ khí thống nhất do Bộ Công nghiệp nặng phụ trách nghiên cứu đề ra và Phó Thủ tướng ban hành.

Điều 5. — Thành lập một ban kiến thiết xưởng cơ khí Bộ Công nghiệp nhẹ gồm:

— Cục trưởng Cục Thiết kế kiến thiết cơ bản	Trưởng ban
— Cục trưởng Cục Cung cấp	Phó ban
— Vụ trưởng Vụ Kỹ thuật	Ủy viên
— Vụ trưởng Vụ Kế hoạch	Ủy viên
— Vụ trưởng Vụ Tài vụ	Ủy viên
— Vụ trưởng Vụ Cán bộ giáo dục	Ủy viên
— Vụ trưởng Vụ Lao động tiền lương	Ủy viên
— Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương	Ủy viên
— Trưởng ban quản trị xưởng Tây đô	Ủy viên

Điều 6. — Nhiệm vụ của các thành viên ban kiến thiết xưởng cơ khí Bộ Công nghiệp nhẹ như sau: